



BKG VIETNAM

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM
BKG VIET NAM INVESTMENT JOINT
STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 18/2026/CBTT
No.: 18/2026/CBTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2026
Ha Noi, August 29, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/State Securities Committee
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Viet Nam Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh City Stock Exchange



Công ty/Name of organization:

Công ty Cổ phần Đầu Tư BKG Việt Nam/BKG Viet Nam investment
Joint Stock Company

Mã chứng khoán/Stock code:

BKG

Địa chỉ/Address:

Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam/ 4th Floor, HPC Landmark 105 Building, To Huu Street, Van Khe Urban Area, Ha Dong Ward, Hanoi City, Vietnam

Điện thoại/Tel:

(024) 2283.2468

Người công bố thông tin/ Spokesman:

Đặng Phước Đức

Chức vụ/Position:

Trưởng ban Kiểm soát/Head of Board of Supervisors

Nội dung thông tin công bố/Contents of information disclosure:

- Báo cáo tài chính bán niên 2026 đã được soát xét/ The Interim Financial Statements for the six-month period ended 30 June, 2026 has been reviewed by the Auditing Company
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế/Official Letter Explaining the Difference in Profit After Tax

Thông tin này được công bố trên website của BKG VIỆT NAM vào ngày 29/08/2026 tại trang web: <http://bkgvietnam.com> Chuyên mục: **Quan hệ cổ đông/công bố thông tin**

This information was published on the company's website on August 29, 2026, as in the link <http://bkgvietnam.com>. Category: **Investor Relations/Information Disclosure**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law



Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- HĐQT/BOD;
- TGD/CEO;
- Ban kiểm soát/BOS;
- Lưu/Archives: Văn phòng/HO.

Đính kèm/Attached file:

- Báo cáo bán niên/The Interim Financial Statements
- Công văn giải trình/ Official Letter Explaining the Difference in Profit After Tax

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE
INFORMATION



DANG PHƯỚC ĐỨC
DANG PHUOC DUC



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 – 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chọn lọc	11 – 36

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị DTA, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106935814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015 và thay đổi lần 11 ngày 22 tháng 06 năm 2026.

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam có trụ sở chính tại: Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Quân	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 24/04/2026
Ông Trần Công Thành	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 24/04/2026
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Quang Duy	Thành viên HĐQT độc lập	
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT	
Ông Dương Tất Thắng	Thành viên HĐQT độc lập	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Đặng Phước Đức	Trưởng Ban Kiểm soát	
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2026
Ông Tạ Quang Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2026
Bà Đặng Thị Lệ Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2026
Bà Phạm Thị Lương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2026

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lương Bảo Ngọc	Kế toán trưởng

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Hưng – Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo các Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Văn Hưng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Số: 2906/2026/BCSX/IAV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 08 năm 2026, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chọn lọc kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của đơn vị tại ngày 30/06/2026 và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Hữu Hoàn

Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2417-2023-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		189.127.487.874	180.555.931.206
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.437.970.891	21.808.839.537
1 Tiền	111		3.437.970.891	21.808.839.537
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.9	2.000.000.000	-
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		2.000.000.000	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127.781.076.199	104.714.917.102
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	36.547.613.721	16.484.491.484
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	31.424.615.564	35.425.375.964
3 Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	59.808.846.914	52.805.049.654
IV Hàng tồn kho	140	5.5	54.806.379.050	53.457.089.049
1 Hàng tồn kho	141		54.806.379.050	53.457.089.049
V Tài sản ngắn hạn khác	160		1.102.061.734	575.085.518
1 Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.6	756.244.383	293.492.358
2 Thuế GTGT được khấu trừ	162		345.817.351	281.593.160
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		558.179.440.470	558.294.554.539
I Tài sản cố định	220		22.884.610.995	22.997.625.262
1 Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	72.110.995	185.125.262
- Nguyên giá	222		2.107.321.717	2.107.321.717
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.035.210.722)	(1.922.196.455)
2 Tài sản cố định vô hình	227	5.8	22.812.500.000	22.812.500.000
- Nguyên giá	228		22.812.500.000	22.812.500.000
II Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.9	535.274.076.810	535.268.952.868
1 Đầu tư vào công ty con	261		388.400.000.000	388.400.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		147.000.000.000	147.000.000.000
3 Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(125.923.190)	(131.047.132)
III Tài sản dài hạn khác	270		20.752.665	27.976.409
1 Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.6	20.752.665	27.976.409
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		747.306.928.344	738.850.485.745
(280 = 100 + 200)				

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		10.783.592.124	4.002.691.261
I Nợ ngắn hạn	310		10.783.592.124	4.002.691.261
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.734.960.276	420.940.077
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	44.700.000	213.404.793
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.13	1.970.234.428	1.551.345.831
4 Phải trả người lao động	315		76.729.962	-
5 Phải trả ngắn hạn khác	320	5.12	456.967.458	317.000.560
6 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.14	5.500.000.000	1.500.000.000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		736.523.336.220	734.847.794.484
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.15	716.090.200.000	716.090.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		716.090.200.000	716.090.200.000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.433.136.220	18.757.594.484
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		18.757.594.484	13.169.848.962
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		1.675.541.736	5.587.745.522
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		747.306.928.344	738.850.485.745



Người lập biểu
Phạm Lương Bảo Ngọc



Kế toán trưởng
Phạm Lương Bảo Ngọc



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Hưng
TP Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	37.026.134.601	42.116.434.114
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		37.026.134.601	42.116.434.114
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	33.103.162.016	36.825.601.710
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.922.972.585	5.290.832.404
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	15.381.168	28.162
8. Chi phí tài chính	23	6.4	83.196.125	7.005.140
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		88.320.067	3.482.047
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	359.633.332	498.255.117
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	1.390.005.565	1.804.458.011
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(23+25+26))	30		2.105.518.731	2.981.142.298
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32	6.7	11.088.398	11.976.177
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(11.088.398)	(11.976.177)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.094.430.333	2.969.166.121
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	418.888.597	596.693.811
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.675.541.736	2.372.472.310

Người lập biểu
Phạm Lương Bảo Ngọc

Kế toán trưởng
Phạm Lương Bảo Ngọc



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Hưng
TP Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘCho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.094.430.333	2.969.166.121
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		113.014.267	118.545.367
- Các khoản dự phòng	03		(5.123.942)	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(11.136.425)	3.523.093
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(4.244.743)	(28.162)
- Chi phí đi vay	06		88.320.067	3.482.047
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.275.259.557	3.094.688.466
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.126.586.028)	(1.829.791.950)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.349.290.001)	(404.457.932)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.362.012.266	164.365.829
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(455.528.281)	(27.594.009)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(88.320.067)	(3.482.047)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		447.483	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20.382.005.071)	993.728.357
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	28.162
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.000.000.000)	28.162

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	4.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	-	(88.533.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.000.000.000	(88.533.403)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(18.382.005.071)	905.223.116
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.808.839.537	1.957.671.200
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.136.425	7.015.526
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3.437.970.891	2.869.909.842

Người lập biểu
Phạm Lương Bảo NgọcKế toán trưởng
Phạm Lương Bảo Ngọc

 Tổng Giám đốc
 Nguyễn Văn Hưng
 TP Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 28 tháng 08 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị DTA, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106935814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015 và thay đổi lần 11 ngày 22 tháng 06 năm 2026.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 716.090.200.000 đồng (Bảy trăm mười sáu tỷ, không trăm chín mươi triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn).

Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương 71.609.020 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 8 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 14 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty gồm:

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.

1.3. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có 01 (một) chi nhánh hạch toán độc lập, cụ thể như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty – Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	Thôn Lão Nội, xã An Nghĩa, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có 05 (năm) Công ty con, cụ thể như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Gỗ BKG	Hà Nội	95,00%	95,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty CP Xuất nhập khẩu BKG HOME	Hà Nội	98,00%	98,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty CP Thực phẩm lành Mai Châu	Phú Thọ	99,20%	99,20%	Chăn nuôi gia cầm, hoạt động trồng trọt
Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ	Phú Thọ	100,00%	100,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty CP phát triển rừng BKG Độc Lập	Phú Thọ	100,00%	100,00%	Trồng rừng và chăm sóc rừng

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có 01 (một) Công ty liên kết, cụ thể như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Jade de Mai Châu	Phú Thọ	49,00%	49,00%	Lĩnh vực bất động sản

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Áp dụng lần đầu chế độ kế toán mới

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị. Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng.

4.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập

Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.5. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Khấu hao

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 06

Thanh lý

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và chi phí thanh lý tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất lâu dài được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

4.9. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn hợp đồng thuê.

4.10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có danh sách chốt quyền cổ đông nhận cổ tức.

4.15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của các khoản dự phòng; chi phí đi vay vốn; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

4.18. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

4.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; thuế, phí và lệ phí; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

4.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	3.396.915.114	6.784.109.349
Tiền gửi không kỳ hạn	41.055.777	15.024.730.188
	3.437.970.891	21.808.839.537

Chi tiết số dư tiền gửi không kỳ hạn như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	818.049	15.002.496.087
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	26.087.406	8.825.108
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	6.831.057	6.827.618
Các ngân hàng khác	7.319.265	6.581.375
	41.055.777	15.024.730.188

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại HDH	3.772.720.000	-	2.549.770.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô Thị Thăng Long	2.653.560.000	-	2.391.120.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Công trình Văn hoá Thăng Long	3.733.020.000	-	697.410.000	-
Công ty TNHH Trường Nguyên	8.329.284.000	-	3.689.064.000	-
Công ty CP NHG Vina	13.796.082.000	-	6.609.708.000	-
Các khách hàng khác	4.262.947.721	-	547.419.484	-
	36.547.613.721	-	16.484.491.484	-

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Ván ép Tây Hà Nội	13.016.756.000	-	16.844.056.000	-
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Gỗ Hà Nội	5.124.046.800	-	18.492.120.000	-
Ông Đình Công Chuyên	6.900.000.000	-	-	-
Ông Đình Công Dũng	6.100.000.000	-	-	-
Các nhà cung cấp	283.812.764	-	89.199.964	-
	31.424.615.564	-	35.425.375.964	-

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	7.000.000.000	-	-	-
- Ông Lê Văn Vũ (i)	7.000.000.000	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	225.049.654	-	225.049.654	-
Nguyễn Tiến Hùng (ii)	47.580.000.000	-	47.580.000.000	-
Nguyễn Tiến Thành (iii)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Các khoản khác	3.797.260	-	-	-
	59.808.846.914	-	52.805.049.654	-

(i) Khoản tạm ứng cho nhân viên với mục đích đặt cọc mua gỗ tròn của các hộ dân phục vụ sản xuất các đơn hàng trong Quý 3/2026.

(ii) Khoản phải thu từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần DP Invest.

(iii) Khoản phải thu từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Jade de Mai Châu.

5.5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	54.806.379.050	-	53.457.089.049	-
	54.806.379.050	-	53.457.089.049	-

- Giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển, ứ đọng tại ngày 30/06/2026 là 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại ngày 30/06/2026 là 0 VND.

5.6. Chi phí chờ phân bổ

5.6.1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí thuê văn phòng	706.010.760	286.243.406
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	50.233.623	7.248.952
	756.244.383	293.492.358

5.6.2. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	20.752.665	27.976.409
	20.752.665	27.976.409

5.7. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tài VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	1.227.104.424	880.217.293	2.107.321.717
Số dư cuối kỳ	1.227.104.424	880.217.293	2.107.321.717
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	1.134.469.343	787.727.112	1.922.196.455
- Khấu hao trong kỳ	92.635.081	20.379.186	113.014.267
Số dư cuối kỳ	1.227.104.424	808.106.298	2.035.210.722
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	92.635.081	92.490.181	185.125.262
Tại ngày cuối kỳ	-	72.110.995	72.110.995

- Tại ngày 30/06/2026, Công ty không có TSCĐ hữu hình đang thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2026 là 1.903.529.878 VND.

- Chi tiết danh mục các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị TSCĐ hữu hình trở lên

Tên tài sản cố định	Nguyên giá VND
Xe ô tô 4*4 MT	548.848.364
Xe ô tô 4*2AT	562.772.727

5.8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	22.812.500.000	22.812.500.000
Số dư cuối kỳ	22.812.500.000	22.812.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	22.812.500.000	22.812.500.000
Tại ngày cuối kỳ	22.812.500.000	22.812.500.000

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 30/06/2026 là 22.812.500.000 VND (Chi tiết tại thuyết minh số 8.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh).

- Chi tiết danh mục các TSCĐ vô hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị TSCĐ vô hình trở lên

Tên tài sản cố định	Nguyên giá VND
Quyền sử dụng đất	22.812.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

- 5.9. Đầu tư tài chính
- 5.9.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn
- a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Giá trị dự phòng		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	-
	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	-

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 7,7%/năm. Toàn bộ khoản tiền gửi nêu trên đang được cầm cố, thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty. (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.14. Vay và nợ thuê tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

5.9.2. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con	388.400.000.000	(31.770.757)		
Công ty CP Gỗ BKG	95.000.000.000	(i)	-	(i)
Công ty CP Xuất nhập khẩu BKG Home	49.000.000.000	(i)	-	(i)
Công ty CP Thực phẩm Lành Mai Châu	74.400.000.000	(i)	-	(i)
Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ	160.000.000.000	(i)	(24.516.353)	(i)
Công ty CP Phát triển rừng BKG Độc Lập	10.000.000.000	(i)	(7.254.404)	(i)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	147.000.000.000		(94.152.433)	
Công ty CP Jade De Mai Châu	147.000.000.000	(i)	(94.152.433)	(i)
	535.400.000.000		(125.923.190)	
				(131.047.132)

(i) Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư để Thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được thuyết minh tại Thuyết minh số 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp.

10/10/2023

10/10/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**5.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công Ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát Thủ Đức	826.772.243	351.166.284
Công Ty TNHH Tâm Điền - Tây Yên Tử	1.129.874.400	-
Công ty CP Gỗ BKG	694.496.160	-
Các nhà cung cấp khác	83.817.473	69.773.793
	2.734.960.276	420.940.077
Phải trả người bán ngắn hạn với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 8.3)	694.496.160	-

5.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Vidaxl Trading (HK) LTD (Vidaxl)	-	112.424.793
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Sản xuất Ván ép Thăng Long	-	100.980.000
Công Ty Cổ phần Tập đoàn Mik Group Việt Nam	44.700.000	-
	44.700.000	213.404.793

5.12. Phải trả khác**5.12.1. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Bảo hiểm xã hội	422.900.633	310.850.183
Bảo hiểm y tế	23.273.283	3.550.082
Bảo hiểm thất nghiệp	10.793.542	2.600.295
	456.967.458	317.000.560

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

5.13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.835.673.600	2.835.673.600	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.970.234.428	-	418.888.597	-	1.547.713.080
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	3.632.751
	-	1.970.234.428	2.835.673.600	3.254.562.197	-	1.551.345.831

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

5.14. Vay và nợ thuế tài chính					
5.14.1. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn					
	Số đầu kỳ Giá trị VND	Trong kỳ Tăng VND	Giảm VND	Số cuối kỳ Giá trị VND	
Vay ngắn hạn	1.500.000.000	4.000.000.000	-	5.500.000.000	
Vay ngân hàng	1.500.000.000	4.000.000.000	-	5.500.000.000	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (1)	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (2)	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000	
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	1.500.000.000	4.000.000.000	-	5.500.000.000	

Thông tin thuyết minh bổ sung cho các khoản vay

- (1) Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi không TSĐB số: ThauchionlineSME-6292080 ngày 15/12/2025 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam, cụ thể như sau:
- Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/12/2026);
 - Hạn mức thấu chi: 1.500.000.000 VND;
 - Lãi suất: 13,5%/năm;
 - Mục đích: Thanh toán các chi phí hợp pháp phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật;
- (2) Hợp đồng cấp tín dụng số HQV202614347864/HDTD ngày 19 tháng 06 năm 2026 giữa Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam, cụ thể như sau:
- Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: 12 tháng (từ ngày 19/06/2026 đến hết ngày 19/06/2027);
 - Hạn mức cấp tín dụng: 4.000.000.000 VND;
 - Lãi suất: Theo từng lần giải ngân;
 - Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
 - Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.9.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn).



THÔNG TIN BỔ SUNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**5.15. Vốn chủ sở hữu****5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2025	716.090.200.000	13.169.848.962	729.260.048.962
- Lãi trong kỳ	-	2.372.472.310	2.372.472.310
Số dư tại 30/06/2025	716.090.200.000	15.542.321.272	731.632.521.272
Số dư tại 01/01/2026	716.090.200.000	18.757.594.484	734.847.794.484
- Lãi trong kỳ	-	1.675.541.736	1.675.541.736
Số dư tại 30/06/2026	716.090.200.000	20.433.136.220	736.523.336.220

5.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Ông Trần Công Thành	132.825.000.000	18,55%	132.825.000.000	18,55%
Ông Nguyễn Văn Hưng	27.415.000.000	3,83%	37.415.000.000	5,22%
Các cổ đông khác	555.850.200.000	77,62%	545.850.200.000	76,23%
	716.090.200.000	100%	716.090.200.000	100%

5.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	716.090.200.000	716.090.200.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	716.090.200.000	716.090.200.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

5.15.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	71.609.020	71.609.020
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	71.609.020	71.609.020
- Cổ phiếu phổ thông	71.609.020	71.609.020
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	71.609.020	71.609.020
- Cổ phiếu phổ thông	71.609.020	71.609.020
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**5.15.5. Phân phối lợi nhuận**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận đầu kỳ chưa phân phối	18.757.594.484	13.169.848.962
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ	1.675.541.736	2.372.472.310
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong kỳ	20.433.136.220	15.542.321.272
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	20.433.136.220	15.542.321.272

5.16. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
USD	275,33	373,82

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	36.964.134.601	42.106.711.892
Doanh thu cung cấp dịch vụ	62.000.000	9.722.222
	37.026.134.601	42.116.434.114

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	33.091.840.000	36.825.601.710
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.322.016	-
	33.103.162.016	36.825.601.710

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	4.244.743	28.162
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.136.425	-
	15.381.168	28.162

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**6.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	88.320.067	3.482.047
Hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn	(5.123.942)	-
Lỗ do bán ngoại tệ	-	3.523.093
	83.196.125	7.005.140

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	148.744.121	294.755.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.889.211	203.499.616
	359.633.332	498.255.117

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	312.332.315	417.653.510
Chi phí khấu hao TSCĐ	111.465.327	118.545.367
Thuế, phí và lệ phí	-	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	966.207.923	1.262.259.134
	1.390.005.565	1.804.458.011

6.7. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi chậm nộp BHXH	11.088.398	11.976.177
	11.088.398	11.976.177

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này hiện hành (i)	418.888.597	596.693.811
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	418.888.597	596.693.811

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

- (i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.094.491.011	2.971.492.879
Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	2.094.491.011	2.971.492.879
Các điều chỉnh tăng	11.088.398	11.976.177
Hoạt động kinh doanh khác	11.088.398	11.976.177
- Chi phí không hợp lệ	11.088.398	11.976.177
Các điều chỉnh giảm	(11.136.425)	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ	(11.136.425)	-
Lợi nhuận tính thuế TNDN	2.094.442.984	2.983.469.056
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN	418.888.597	596.693.811
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này hiện hành	418.888.597	596.693.811

- (ii) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(60.678)	(2.326.758)
Các điều chỉnh tăng	-	-
Các điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận tính thuế TNDN	(60.678)	(2.326.758)
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thuế nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.091.840.000	36.825.601.710
Chi phí nhân công	470.849.513	712.409.011
Chi phí khấu hao tài sản cố định	113.014.267	118.545.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.150.957.633	1.465.758.750
Chi phí khác bằng tiền	26.139.501	-
	34.852.800.913	39.122.314.838

Công ty thực hiện trình bày lại thuyết minh trên do áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 dẫn đến việc phải trình bày lại số liệu so sánh kỳ trước cho phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	4.000.000.000	-
	4.000.000.000	-

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	88.533.403
	-	88.533.403

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh*****Bảo đảm nghĩa vụ cho khoản vay của công ty con***

Công ty thực hiện ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình) cho khoản vay của Công ty CP Gỗ BKG tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam để phục vụ mục đích mua nguyên vật liệu sản xuất kinh doanh đồ gỗ nội thất và các chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh.

8.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính riêng giữa niên độ và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

8.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân, tổ chức có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.3.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Danh sách các thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan là cá nhân	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Ngọc Quân	Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm ngày 24/04/2026
Ông Trần Công Thành	Chủ tịch HĐQT miễn nhiệm ngày 24/04/2026
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Bên liên quan là cá nhân	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duy	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Dương Tất Thắng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Đặng Phước Đức	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 24/04/2026)
Ông Tạ Quang Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 24/04/2026)
Bà Đặng Thị Lệ Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 24/04/2026)
Bà Phạm Thị Lương	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 24/04/2026)
Bà Phạm Lương Bảo Ngọc	Kế toán trưởng

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán như sau:

Tiền lương	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ban Tổng Giám đốc		100.252.034	74.295.970
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	100.252.034	74.295.970
Ban Kiểm soát		250.128.250	87.045.030
Ông Đặng Phước Đức	Trưởng ban	201.413.567	52.215.030
Ông Tạ Quang Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/04/2026)	48.714.683	34.830.000
		350.380.284	161.341.000

Trong kỳ, Công ty chỉ phát sinh tiền lương, không phát sinh thù lao trả cho các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân, tổ chức có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong kỳ, Công ty không phát sinh các giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân, tổ chức có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân, tổ chức có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân, tổ chức có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

8.3.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: Các doanh nghiệp, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp có quyền kiểm soát ở Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và các công ty trong cùng tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**Danh sách bên liên quan khác**

Bên liên quan khác	Địa chỉ	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Gỗ BKG	Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Xuất nhập khẩu BKG Home	Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lành Mai Châu	Phú Thọ	Công ty con
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm lành Mai Châu	Hà Nội	Chi nhánh của công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển rừng BKG Độc Lập	Phú Thọ	Công ty con
Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ	Phú Thọ	Công ty con
Công ty Cổ phần Jade De Mai Châu	Phú Thọ	Công ty liên kết
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	Phú Thọ	Chi nhánh
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Lành	Phú Thọ	Tổng Giám đốc của Công ty là đại diện pháp luật
Công ty Cổ phần Alta Land	Phú Thọ	Tổng Giám đốc của Công ty là đại diện pháp luật
HKD Cơ sở Chăn nuôi Quang Hưng	Phú Thọ	Tổng Giám đốc của Công ty là đại diện pháp luật
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu KCF	Hà Nội	Thành viên HĐQT Công ty là đại diện pháp luật
Công ty Cổ phần Địa Ốc Hòa Bình	Phú Thọ	Thành viên HĐQT Công ty là đại diện pháp luật

Giao dịch với các bên liên quan khác

Chi phí sản xuất kinh doanh	Nội dung	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Cổ phần Gỗ BKG	Mua hàng hóa	1.025.160.000	1.071.839.642
		1.025.160.000	1.071.839.642

Số dư các khoản phải thu, phải trả ngắn hạn với các bên liên quan khác

Phải trả người bán	Nội dung	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Gỗ BKG	Mua hàng hóa	694.496.160	-
		694.496.160	-

8.4. Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

8.5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 thay đổi một số chỉ tiêu được quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 như sau:

Các chỉ tiêu thay đổi tên gọi hoặc mã số nhưng không thay đổi số liệu

Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu B01a-DN) - Thông tư
200/2014/TT-BTC

TÀI SẢN	Mã số	Số tiền
Phải thu ngắn hạn khác	136	52.805.049.654
Tài sản ngắn hạn khác	150	575.085.518
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	293.492.358
Thuế GTGT được khấu trừ	152	281.593.160
Đầu tư tài chính dài hạn	250	535.268.952.868
Đầu tư vào công ty con	251	388.400.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	147.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260	27.976.409
Chi phí trả trước dài hạn	261	27.976.409

NGUỒN VỐN

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
Phải trả ngắn hạn khác
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước
- LNST chưa phân phối kỳ này

	313	1.551.345.831
	319	317.000.560
	320	1.500.000.000
	421	18.757.594.484
	421a	13.169.848.962
	421b	5.587.745.522

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (Mẫu B01a-DN) - Thông tư
99/2025/TT-BTC

TÀI SẢN	Mã số	Số tiền
Phải thu ngắn hạn khác	135	52.805.049.654
Tài sản ngắn hạn khác	160	575.085.518
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	293.492.358
Thuế GTGT được khấu trừ	162	281.593.160
Đầu tư tài chính dài hạn	260	535.268.952.868
Đầu tư vào công ty con	261	388.400.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	147.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	270	27.976.409
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	27.976.409

NGUỒN VỐN

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
Phải trả ngắn hạn khác
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước
- LNST chưa phân phối kỳ này

	314	1.551.345.831
	320	317.000.560
	321	1.500.000.000
	420	18.757.594.484
	420a	13.169.848.962
	420b	5.587.745.522

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2026

Số: 2908/2026/CV
V/v: giải trình chênh lệch số liệu

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Đầu Tư BKG Việt Nam

Mã chứng khoán: BKG

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 2283.2468

Fax: (024) 2283.2468

Loại thông tin công bố: Định kỳ

I. Giải trình về chênh lệch số liệu cùng kỳ

Căn cứ theo **Khoản 4a, Điều 14. Công bố thông tin định kỳ của Thông tư số: 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020**: “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước”. Công ty CP Đầu tư BKG Việt Nam xin được giải trình như sau:

1/ Đối với Báo cáo riêng

STT	Chỉ tiêu trên BCTC riêng	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025	Chênh lệch kỳ này so với kỳ trước	
				Giá trị	%
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.026.134.601	42.116.434.114	Giảm 5 tỷ	
2	4. Giá vốn hàng bán	33.103.162.016	36.825.601.710	Giảm 3,7 tỷ	
3	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.922.972.585	5.290.832.404	Giảm 1,3 tỷ	
4	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.675.541.736	2.372.472.310	Giảm 0,7 tỷ	-30%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2026 giảm 700 triệu đồng, so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 5 tỷ đồng, trong khi giá vốn hàng bán giảm 3,7 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 1,3 tỷ đồng. Các khoản chi phí khác không có biến động đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái. Sự biến động của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do chênh lệch về thời điểm bàn giao hàng hóa và nghiệm thu công trình.

2/ Đối với Báo cáo Hợp nhất

STT	Chỉ tiêu trên BCTC hợp nhất	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025	Chênh lệch kỳ này so với kỳ trước
				Giá trị
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.794.037.175	130.777.676.378	Giảm 43 tỷ đồng
2	4. Giá vốn hàng bán	78.814.991.291	116.273.057.984	Giảm 38 tỷ đồng
3	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.979.045.884	14.504.618.394	Giảm 5 tỷ đồng
4	9. Chi phí bán hàng	2.267.632.166	2.016.463.116	Tăng 250 triệu đồng
5	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.391.601.087	3.611.460.719	Giảm 1,2 triệu đồng
6	19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.683.916.179	6.247.174.609	Giảm 4,6 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2026 giảm 4,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu do Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 43 tỷ đồng, trong khi đó lợi nhuận gộp chỉ giảm 38 tỷ đồng. Sự biến động của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do chênh lệch về thời điểm bàn giao hàng hóa và nghiệm thu công trình.

Ngoài ra, lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp chưa phân phối 6 tháng đầu năm 2026 sau soát xét giảm 300 triệu so với trước soát, chủ yếu là do ghi nhận thêm khoản chi phí trích lập dự phòng phải thu khách hàng và tăng chi phí phân bổ khấu hao trong kỳ tại Công ty con theo đúng quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP; P.KT.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

Trưởng Ban Kiểm soát



ĐẶNG PHƯỚC ĐỨC

